KPMG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
Thông tin Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	18/GP-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2007
	11/GPĐC-UBCK	ngày 2 tháng 5 năm 2013
	22/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2013
	25/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 8 năm 2013

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 25/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2013. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Thanh Hải	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
	Ông Shuzo Shikata	Thành viên
	Ông Ha Hong Sik	Thành viên
Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Lệ Hằng	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 9, Tòa nhà TTC
Lô B1A, Cụm tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ
Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "FPT Capital") cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho FPT Capital có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng FPT Capital sẽ tiếp tục hoạt động.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của FPT Capital tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của FPT Capital cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo hợp nhất này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng FPT Capital sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT

Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "FPT Capital"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

KPMG

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 15-02-265/2

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 12-08-2016

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	**100**		**165.315.983.044**	**175.601.259.531**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**114.253.699.545**	**5.766.089.879**
Tiền	111		1.670.048.493	5.766.089.879
Các khoản tương đương tiền	112		112.583.651.052	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**48.386.729.881**	**165.757.159.674**
Đầu tư ngắn hạn	121		67.831.979.881	169.729.159.674
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(19.445.250.000)	(3.972.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.650.300.601**	**3.027.533.116**
Phải thu khách hàng	131		400.000.000	400.000.000
Trả trước cho người bán	132		81.600.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	1.503.632.270	2.106.437.170
Các khoản phải thu khác	135		1.025.723.353	1.881.750.968
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.360.655.022)	(1.360.655.022)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.025.253.017**	**1.050.476.862**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		155.428.811	153.211.783
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.961.415	25.681.202
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8(b)	856.512.791	861.233.877
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.350.000	10.350.000
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	**200**		**175.171.362**	**243.032.741**
Tài sản cố định	**220**		**-**	**-**
Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
Nguyên giá	*222*		*103.208.600*	*103.208.600*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(103.208.600)*	*(103.208.600)*
Tài sản dài hạn khác	**260**		**175.171.362**	**243.032.741**
Chi phí trả trước dài hạn	261		59.080.002	102.941.381
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	24.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		116.091.360	116.091.360
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**165.491.154.406**	**175.844.292.272**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	**300**		**718.833.927**	**1.399.874.795**
Nợ ngắn hạn	**310**		**718.833.927**	**1.399.874.795**
Phải trả người bán	312		404.240	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8(a)	25.318.126	64.324.445
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		283.946.901	1.014.553.554
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9	409.164.660	320.996.796
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**164.772.320.479**	**174.444.417.477**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10	110.000.000.000	110.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.110.000	15.110.000
Cổ phiếu quỹ	414	10	(639.210.000)	(639.210.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		558.967.200	558.967.200
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		558.967.200	558.967.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54.278.486.079	63.950.583.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**165.491.154.406**	**175.844.292.272**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	**006**		**7.475.000.000**	**7.475.000.000**
Chứng khoán giao dịch	*007*		*7.475.000.000*	*7.475.000.000*
Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	**020**		**26.220.750.000**	**26.220.750.000**
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	**030**	**18**	**466.088.600**	**610.353.354**
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	*031*		*466.088.600*	*609.235.031*
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	*032*		*-*	*1.118.323*
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	**040**	**18**	**171.382.428.881**	**197.485.030.482**
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	*041*		*171.382.428.881*	*197.485.030.482*
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	**050**	**18**	**57.841.664.711**	**111.762.357.489**
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	**051**	**18**	**1.316.741.652**	**1.347.863.255**

Người lập:	Người duyệt:
Bà Vũ Hoài Anh	Bà Nguyễn Lệ Hằng
Trưởng phòng kế toán	*Tổng Giám đốc*

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu	01	11	6.514.541.213	5.381.144.944
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 + 02)	**10**		**6.514.541.213**	**5.381.144.944**
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	12	(1.444.968.409)	(1.367.832.827)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 + 11)	**20**		**5.069.572.804**	**4.013.312.117**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	2.890.195.266	3.259.086.075
Chi phí tài chính	22	14	(15.478.316.423)	(2.458.120)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	(1.767.754.843)	(1.727.464.076)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25)	**30**		**(9.286.303.196)**	**5.542.475.996**
Thu nhập khác	31		2.302.385	63.141.789
Lợi nhuận khác (40 = 31)	**40**		**2.302.385**	**63.141.789**
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(9.284.000.811)**	**5.605.617.785**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	(63.611.757)	(801.326.555)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	16	(24.000.000)	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	**60**		**(9.371.612.568)**	**4.804.291.230**
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (điều chỉnh lại)	**70**	**17**	**(870)**	**416**

Người lập:

Bà Vũ Hoài Anh
Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT

Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	**01**	**(9.284.000.811)**	**5.605.617.785**
Điều chỉnh cho các khoản			
Các khoản dự phòng	03	15.473.250.000	80.000.000
Thu nhập từ cổ tức		-	(760.707.000)
Thu nhập từ lãi tiền gửi		(2.890.195.266)	(1.226.666.667)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**3.299.053.923**	**3.698.244.118**
Biến động các khoản phải thu	09	1.523.784.009	(785.139.895)
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.014.288.255)	(257.651.485)
Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	69.085.224	668.641.940
		3.877.634.901	**3.324.094.678**
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.848.800)	(984.600.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**3.846.786.101**	**2.339.494.094**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu cổ tức	27	-	760.707.000
Tiền thu lãi tiền gửi		2.743.643.772	1.226.666.667
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		-	(18.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		101.897.179.793	40.000.000.000
Lưu chuyển tiền thnần từ hoạt động đầu tư	**30**	**104.640.823.565**	**23.987.373.667**

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(103.400.305.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**-**	**(103.400.305.556)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**108.487.609.666**	**(77.073.437.795)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.766.089.879**	**143.486.365.806**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	**70**	**114.253.699.545**	**66.412.928.011**

Người lập:	Người duyệt:
Bà Vũ Hoài Anh	Bà Nguyễn Lệ Hằng
Trưởng phòng kế toán	*Tổng Giám đốc*

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT **Mẫu B05a-CTQ/HN**

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
	1/1/2015	1/1/2016	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016		30/6/2015	30/6/2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.000.000.000	110.000.000.000	-	-	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	15.110.000	15.110.000	-	-	-	-	15.110.000	15.110.000
Cổ phiếu quỹ	(639.210.000)	(639.210.000)	-	-	-	-	(639.210.000)	(639.210.000)
Quỹ dự phòng tài chính	359.468.720	558.967.200	-	-	-	-	359.468.720	558.967.200
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	359.468.720	558.967.200	-	-	-	-	359.468.720	558.967.200
Lợi nhuận chưa phân phối (*)	59.504.309.991	63.950.583.077	4.804.291.230	(500.000.000)	(9.371.612.568)	(300.484.430)	63.808.601.221	54.278.486.079
	169.599.147.431	**174.444.417.477**	**4.804.291.230**	**(500.000.000)**	**(9.371.612.568)**	**(300.484.430)**	**173.903.438.661**	**164.772.320.479**

(*) Số giảm trong kỳ là trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Thuyết minh 9).

Người lập:	Người duyệt:
Bà Vũ Hoài Anh	Bà Nguyễn Lệ Hằng
Trưởng phòng kế toán	*Tổng Giám đốc*

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, FPT Capital có 14 nhân viên (31/12/2015: 16 nhân viên), trong đó 9 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Bà Vũ Hoài Anh	000796/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	000795/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Lệ Hằng	000958/QLQ	7/6/2013
Ông Ngô Thanh Hải	001031/QLQ	13/11/2013
Bà Đoàn Thị Vân Anh	000793/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Thục Anh	000959/QLQ	7/6/2013
Bà Phạm Bích Ngọc	001243/QLQ	7/4/2015
Bà Lã Thị Xuân Anh	001384/QLQ	29/2/2016
Ông Nguyễn Huy Hoàng	001381/QLQ	16/2/2016

Các hoạt động chính của Công ty là tiến hành các hoạt động đầu tư tại Việt Nam, quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam - Nhật Bản ("Quỹ"), quản lý các khoản ủy thác đầu tư và danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác và thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư. Công ty đã giải thể Quỹ vào ngày 19 tháng 3 năm 2016 theo thông báo gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 18 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc hoàn trả lại tài sản cho nhà đầu tư của Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các công ty con sau:

	Quốc gia thành lập	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết 30/6/2016	31/12/2015
Công ty TNHH Đầu tư FC	Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Đầu tư FF	Việt Nam	100%	100%

Công ty và các công ty con sau đây được gọi chung là "FPT Capital".

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, FPT Capital có 15 nhân viên (31/12/2015: 16 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của FPT Capital theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của FPT Capital là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngoài ra, FPT Capital lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của FPT Capital là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được FPT Capital áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được FPT Capital áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của FPT Capital. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ FPT Capital và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của FPT Capital tại đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho FPT Capital. Sự kiểm soát tồn tại khi FPT Capital có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư và dự phòng giảm giá đầu tư

Phân loại

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết, được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Ghi nhận và dừng ghi nhận

FPT Capital ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày FPT Capital chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc FPT Capital đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Giá gốc của chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì FPT Capital không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản FPT Capital nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

(f) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, FPT Capital có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(i) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

		Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ sẽ được trích lập vào cuối năm tài chính (nếu có).

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và FPT Capital có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

(ii) Thu nhập cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(m) Lãi trên cổ phiếu

FPT Capital trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(n) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của FPT Capital tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của FPT Capital là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của FPT Capital là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, FPT Capital hoạt động trên một bộ phận là quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các khoản mục liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi ngoài bảng cân đối kế toán theo nguyên giá và được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán khác, như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của FPT Capital nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi FPT Capital và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con, công ty liên kết của các nhà đầu tư.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.670.048.493	5.766.089.879
Các khoản tương đương tiền (*)	112.583.651.052	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.253.699.545	5.766.089.879

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 3 tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	-	101.897.179.793
Chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	67.831.979.881	67.831.979.881
- *Cổ phiếu niêm yết*	*25.500.000.000*	*25.500.000.000*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*42.331.979.881*	*42.331.979.881*
	67.831.979.881	169.729.159.674
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(19.445.250.000)	(3.972.000.000)
	48.386.729.881	165.757.159.674

(i) Chi tiết các chứng khoán ngắn hạn được nắm giữ bởi FPT Capital tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	747.500	25.500.000.000	747.500	25.500.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành	2.622.075	42.331.979.881	2.622.075	42.331.979.881
	3.369.575	67.831.979.881	3.369.575	67.831.979.881

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	3.972.000.000	-
Dự phòng trích lập trong kỳ (Thuyết minh 14)	15.473.250.000	-
Số dư cuối kỳ	19.445.250.000	-

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	679.452.055
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.503.632.270	1.426.985.115
	1.503.632.270	2.106.437.170

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	1.360.655.022	1.160.655.022
Dự phòng trích lập trong kỳ (Thuyết minh 15)	-	80.000.000
Số dư cuối kỳ	1.360.655.022	1.240.655.022

8. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.991.115	62.399.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.327.011	-
Thuế giá trị gia tăng	-	1.924.837
	25.318.126	64.324.445

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.189.975	475.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	851.322.816	860.758.762
Thuế khác	3.000.000	-
	856.512.791	861.233.877

9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo quy chế tài chính của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	320.996.796	251.176.784
Trích lập trong kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối	300.484.430	500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(212.316.566)	(268.348.988)
Số dư cuối kỳ	409.164.660	482.827.796

10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(55.000)	(639.210.000)	(55.000)	(639.210.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.945.000	109.360.790.000	10.945.000	109.360.790.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

11. Doanh thu

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	1.731.506.849	3.967.123.289
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	990.435.504	1.323.112.565
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	3.612.759.309	-
Doanh thu khác	179.839.551	90.909.090
	6.514.541.213	5.381.144.944

12. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	471.126.788	1.025.731.482
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	973.841.621	342.101.345
	1.444.968.409	1.367.832.827

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	2.890.195.266	2.498.379.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	760.707.000
	2.890.195.266	3.259.086.075

14. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	15.473.250.000	-
Chi phí khác	5.066.423	2.458.120
	15.478.316.423	2.458.120

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	767.626.524	709.361.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	889.948.319	875.787.807
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 7)	-	80.000.000
Chi phí khác	110.180.000	62.314.932
	1.767.754.843	1.727.464.076

16. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ báo cáo hiện tại	63.611.757	801.326.555
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	24.000.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	87.611.757	801.326.555

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(9.284.000.811)	5.605.617.785
Thuế theo thuế suất của Công ty	(1.856.800.162)	1.121.123.557
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	50.033
Thu nhập không bị tính thuế	-	(152.141.400)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(62.914.205)	(167.705.635)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.007.326.124	-
	87.611.757	801.326.555

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty TNHH Đầu tư FC bởi vì Công ty và công ty con này không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	51.270.567.426	10.254.113.486	41.548.507.832	8.309.701.567

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
2017	Chưa quyết toán	22.442.063.790	22.949.056.112
2018	Chưa quyết toán	18.791.873.016	18.791.873.016
2021	Chưa quyết toán	10.036.630.620	-
		51.270.567.426	41.740.929.128

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật Thuế Giá trị Gia tăng, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013. Theo đó, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 (Điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	(9.371.612.568)	4.804.291.230
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(150.242.215)	(250.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(9.521.854.783)	4.554.291.230

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	10.945.000	10.945.000

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(870)	416

18. Báo cáo về hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 7 nhà đầu tư ủy thác (31/12/2015: 9 nhà đầu tư ủy thác). Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Báo cáo tài sản và nợ phải trả của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ghi ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản của nhà đầu tư ủy thác		
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (i)	466.088.600	610.353.354
Đầu tư ngắn hạn	165.382.428.881	191.485.030.482
- *Cổ phiếu niêm yết*	*58.925.734.551*	*78.925.736.152*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*106.456.694.330*	*112.559.294.330*
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu của nhà đầu tư ủy thác (ii)	57.841.664.711	111.762.357.489
	229.690.182.192	309.857.741.325
Nợ phải trả của nhà đầu tư ủy thác		
Phải trả phí quản lý, phí giám sát (iii)	1.316.741.652	1.347.863.255
Tài sản thuần của nhà đầu tư ủy thác	228.373.440.540	308.509.878.070
Trong đó:		
Gốc hợp đồng ủy thác đầu tư	211.350.871.133	277.355.276.334
Lãi ủy thác đầu tư	17.022.569.407	31.154.601.736

(i) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	610.353.354	11.968.349.784
Số giảm trong kỳ	(144.264.754)	(11.685.821.368)
Số dư cuối kỳ	466.088.600	282.528.416

(ii) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ	57.841.664.666	57.841.664.666
Phải thu phí lưu ký	45	692.823
Phải thu bán cổ phiếu	-	53.920.000.000
	57.841.664.711	111.762.357.489

(iii) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải trả phí quản lý	1.302.246.893	1.213.688.875
Phải trả phí giám sát	14.494.759	125.309.064
Phải trả phí tư vấn	-	8.865.316
	1.316.741.652	1.347.863.255

19. Cam kết thuê hoạt động

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	164.804.640	125.120.688
Từ hai đến năm năm	659.218.560	-
	824.023.200	125.120.688

20. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Nhận ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FPT	173.937.778.106	233.837.778.106

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu phí ủy thác		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	9.945.354	9.917.809
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	19.890.712	-
Công ty TNHH Đầu tư FPT	471.506.487	805.648.339
Doanh thu thưởng hoạt động		
Công ty TNHH Đầu tư FPT	3.278.859.309	-
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	839.757.750	884.504.167

21. Các chỉ tiêu đánh giá

	Đơn vị tính	30/6/2016	31/12/2015
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,11%	0,14%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99,89%	99,86%
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-143,86%	49,08%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-5,69%	3,06%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-5,66%	3,04%
Các chỉ tiêu tài chính khác			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	0,43%	0,80%
Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	226,26	122,53
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	229,98	125,44
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	158,94	4,12

22. Quản trị rủi ro tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà FPT Capital phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà FPT Capital có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình FPT Capital sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của FPT Capital như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà FPT Capital gặp phải.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của FPT Capital.

Các chính sách quản lý rủi ro của FPT Capital được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà FPT Capital gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của FPT Capital. FPT Capital, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của FPT Capital nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	*(i)*	114.253.699.545	5.766.089.879
Đầu tư tài chính ngắn hạn – Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	*(i)*	-	101.897.179.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác – gộp	*(ii)*	3.010.955.623	4.388.188.138
Tài sản tài chính khác		126.441.360	126.441.360
		117.391.096.528	112.177.899.170

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt tại quỹ) của FPT Capital chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho FPT Capital.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của FPT Capital chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, FPT Capital cố gắng chọn lọc những khách hàng lịch sử tín dụng tốt và yêu cầu tài sản đảm bảo cần thiết. Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi FPT Capital đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán cho khách hàng đó.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong hạn	1.650.300.601	2.785.151.319
Quá hạn từ 1 ngày đến 30 ngày	-	61.140.420
Quá hạn từ 30 ngày đến 180 ngày	-	10.497.916
Quá hạn trên 365 ngày	1.360.655.022	1.531.398.483
	3.010.955.623	4.388.188.138

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó FPT Capital không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của FPT Capital là đảm bảo ở mức cao nhất rằng FPT Capital luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của FPT Capital.

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh như sau:

Tại ngày 30/6/2016	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Dưới 3 tháng VND**	**Tổng cộng VND**
Phải trả người bán	404.240	404.240	404.240	404.240
Nợ phải trả tài chính khác	71.015.461	71.015.461	71.015.461	71.015.461

Tại ngày 31/12/2015	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Dưới 3 tháng VND**	**Tổng cộng VND**
Nợ phải trả tài chính khác	104.708.248	104.708.248	104.708.248	104.708.248

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của FPT Capital hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà FPT Capital nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, rủi ro tỷ giá hối đoái của FPT Capital là không trọng yếu vì FPT Capital không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của FPT Capital.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của FPT Capital như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn	112.583.651.052	101.897.179.793
Tiền gửi không kỳ hạn	1.670.048.493	5.766.089.879
	114.253.699.545	107.663.269.672

Do các công cụ tài chính có lãi suất cố định và được hạch toán theo nguyên giá nên sự thay đổi của lãi suất thị trường không có tác động tới lãi/lỗ của FPT Capital.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn do FPT Capital nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

23. Các thay đổi trong ước tính kế toán

FPT Capital không sử dụng ước tính kế toán nào trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

24. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào được xác định khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

25. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của FPT Capital cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

26. Các yếu tố theo chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của FPT Capital không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập của kỳ kết thúc giữa niên độ được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế của kỳ kết thúc giữa niên độ.

(b) Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ sẽ được trích lập vào cuối năm tài chính (nếu có).

Người lập:	Người duyệt:
Bà Vũ Hoài Anh	Bà Nguyễn Lệ Hằng
Trưởng phòng kế toán	*Tổng Giám đốc*

Ngày 12 tháng 8 năm 2016